

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

● NGUYỄN THỊ HUỲNH GIAO

TÓM TẮT:

Bài viết tập trung phân tích ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Kết quả nghiên cứu góp phần thay đổi nhận thức và hành động của các cơ quan quản lý và các doanh nghiệp của vùng ĐBSCL trong việc thu hút FDI.

Từ khóa: đầu tư trực tiếp nước ngoài, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

1. Đặt vấn đề

Các doanh nghiệp FDI đã tác động đến phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, phân bổ các nguồn lực theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CDCCKT) và điều tiết thị trường thông qua việc tạo công ăn việc làm, đổi mới công nghệ xanh, tránh ô nhiễm môi trường, từ đó nâng cao ý thức và chất lượng cuộc sống cho người dân (Ridzuan và cộng sự, 2017). Nhờ vậy, thông qua thu hút FDI, nước tiếp nhận có cơ hội được tiếp thu kỹ thuật và công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của đối tác nước ngoài (Ridzuan và cộng sự, 2017). Đồng thời, các ngành công nghiệp như công nghiệp chế tạo, gia công, chế biến, dịch vụ,... là các ngành mà phần lớn các doanh nghiệp FDI đầu tư vào, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động (CDCCLĐ) tương xứng, phù hợp với xu

hướng chung của thế giới (Pao và Tsai, 2011). FDI sẽ tạo điều kiện cho CDCCKT thông qua việc thu hút lao động dư thừa ở nông thôn, góp phần mở rộng các khu vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ, làm tăng tốc độ đô thị hóa của các nước đang phát triển (Wu và Chen, 2016).

Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị cũng đã xác định vùng ĐBSCL được định hướng trở thành vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, phát triển công nghiệp chế biến và công nghiệp phụ trợ cho nông nghiệp với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững. Vùng phát triển mạnh kinh tế biển, xây dựng ngành Thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia, phát triển mạnh dịch vụ - du lịch thành ngành kinh tế then chốt của cả vùng. Vùng chủ động hội nhập, hợp tác kinh tế với các nước, trước

hết là các nước khu vực Đông Nam Á. Theo đó, cơ cấu kinh tế (CCKT) của vùng giai đoạn 2009 - 2019 đã có sự chuyển đổi mạnh mẽ. Tỷ trọng khu vực I đã giảm từ 39,6% năm 2010 xuống còn 28,3% trong năm 2019, nhanh hơn tốc độ dịch chuyển cơ cấu trong 2 thập niên trước đó (Ngọc Thiện, 2020). Tương tự, cơ cấu công nghiệp - xây dựng và thương mại dịch vụ cũng đang thay đổi mạnh mẽ, ngày càng gần hơn với CCKT của cả nước. Ngoài ra, năng suất lao động của ĐBSCL còn thấp do thiếu đầu tư của khu vực FDI, các hoạt động sản xuất công nghiệp còn trầm lắng do hệ thống cơ sở hạ tầng còn hạn chế (Ngọc Thiện, 2020).

Như vậy, FDI đóng vai trò quan trọng trong CDCCKT ở Việt Nam nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, việc tiếp nhận nguồn vốn này một cách ồ ạt, thiếu chọn lọc, hoặc phân bổ nguồn vốn vào các khu vực kinh tế thiếu hợp lý dẫn đến những hệ lụy, gây mất cân đối trong nền kinh tế. Do vậy, nghiên cứu ảnh hưởng của FDI đến quá trình CDCCKT là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, góp phần thay đổi nhận thức và hành động của các cơ quan quản lý và các doanh nghiệp trong việc thu hút FDI. Với ý nghĩa đó, tác giả lựa chọn chuyên đề “Ảnh hưởng của FDI đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long” làm nội dung nghiên cứu.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Theo đó, phương pháp phân tích định lượng được thực hiện thông qua hồi quy dữ liệu bảng đo lường mức độ ảnh hưởng của FDI tới CDCCKT vùng ĐBSCL.

Với phương pháp định tính, chuyên đề xây dựng hệ số CDCCKT $\cos(\varphi)$ thể hiện mức độ khác biệt giữa các CCKT vùng ĐBSCL ở các thời điểm khác nhau.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tốc độ chuyển dịch

Sau khi tiến hành thu thập dữ liệu, tác giả tiến hành tổng hợp so sánh CCKT của từng tỉnh thành phố trong khu vực ĐBSCL, sau đó tính toán hệ số chuyển dịch $\cos(\varphi)$ để đánh giá tốc độ chuyển dịch. Kết quả cho thấy:

Xét về vốn FDI hàng năm của vùng, nguồn vốn đầu tư FDI trung bình của cả vùng tăng từ 1,02 nghìn tỷ đồng năm 2012 đến 2,10 nghìn tỷ đồng năm 2019, hơn gấp 2 lần thời điểm ban đầu. Nhìn chung, tỷ trọng nông nghiệp đã giảm xuống, nhưng đa phần chuyển về nhóm ngành Dịch vụ hơn là ngành Công nghiệp - chỉ riêng một số tỉnh có vốn FDI lớn chuyển dịch sang lĩnh vực Công nghiệp. Điển hình là 2 tỉnh Long An và Tiền Giang có khuynh hướng chuyển dịch sang công nghiệp nhờ vào FDI, do có lợi thế về vị trí địa lý gần TP. Hồ Chí Minh. Riêng Cần Thơ có CCKT khác biệt nhất, với lĩnh vực dịch vụ chiếm ưu thế tuyệt đối (gần 70% vào năm 2019). Trong khi đó, các tỉnh, thành phố còn lại, mặc dù có xu hướng chuyển dịch sang công nghiệp và dịch vụ, vẫn còn phụ thuộc vào nông nghiệp với tỷ trọng trên 30% trong cơ cấu. Điều này cho thấy, mặc dù chuyển hướng theo xu thế mới, nhưng lợi thế cố hữu của ĐBSCL vẫn là phát triển nông nghiệp và trọng trách đảm bảo lương thực cho cả khu vực kinh tế phía Nam.

Đánh giá về tốc độ CDCCKT, tốc độ chuyển dịch trung bình trong giai đoạn 2012 - 2019 của cả vùng còn khá chậm (hệ số $\cos(\varphi) = 0.9615$). Tỉnh có tốc độ chuyển dịch nhanh nhất là Bến Tre (hệ số $\cos(\varphi) = 0.8912$) và chậm nhất là Cà Mau (hệ số $\cos(\varphi) = 0.9975$). Tuy nhiên, xem xét một cách khách quan, hệ số chuyển dịch này chưa phản ánh đầy đủ về CDCCKT của vùng. Lấy Long An và Cần Thơ làm ví dụ điển hình, ta thấy 2 tỉnh, thành phố này có tốc độ chuyển dịch rất chậm - Long An (0.9559) và Cần Thơ (0.9911), nhưng thực tế là do 2 địa phương này đã đạt được CCKT hoàn thiện, theo đúng định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.2. Xu hướng chuyển dịch

Để đảm bảo độ biến thiên không chênh lệch lớn giữa các biến, tác giả chia các biến với cơ số 10 (cùng mục đích với phương pháp lấy logarit). Kết quả cho thấy, sai số chuẩn của tất cả biến đều nhỏ hơn 20.

3.2.1. Xu hướng chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp

Trước tiên, tác giả ước lượng mô hình CDCCKT từ ngành Nông nghiệp sang ngành Công nghiệp (mô hình NN-CN) từ các biến được lựa chọn trước đó. Cụ thể, biến phụ thuộc là

IND_AGR để đo lường xu hướng chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp, và các biến phụ thuộc là I_IND_AGR, FDI, FIRM, LABOR_FDI, EMP, GROWTH, INF, URBAN, và PRIVATE. Kết quả chạy mô hình ban đầu cho thấy, các thông số ước lượng chưa hiệu quả và vững chắc (Bảng 1). Một trong những nguyên nhân có thể là do các vấn đề ước lượng đa cộng tuyến, phương sai thay đổi, tương quan chuỗi làm sai lệch mô hình. (Bảng 1)

Tuy nhiên, kết quả mô hình ước lượng ở Bảng 1 chưa vững và chưa hiệu quả, vì vậy, tác giả kiểm tra đa cộng tuyến để xem xét việc thay thế hoặc loại bỏ bớt các biến có tương quan cao. Kết quả cho thấy, mô hình NN-CN có khả năng đa cộng tuyến với giá trị Mean VIF > 2 và nguyên nhân chính nằm ở nhóm yếu tố FDI, bao gồm 3 biến: LABOR_FDI, FIRM và FDI với hệ số phóng đại VIF từng biến lần lượt là 6.55 - 4.87 - 3.64, đều lớn hơn 3. Điều này có nghĩa, mô hình NN-CN chỉ cần sử dụng duy nhất 1 biến để đại diện cho nhóm yếu tố FDI. Vì vậy, tác giả giữ lại biến FDI và loại bỏ 2 biến LABOR_FDI và FIRM; sau đó, kiểm tra lại hệ số phóng đại Mean VIF < 2.

Điều này khẳng định không có đa cộng tuyến sau khi loại bỏ 2 biến trên.

Kiểm định phương sai thay đổi cho mô hình NN-CN cho kết quả giá trị thống kê chi2(1) = 42.36 với xác suất thống kê Prob>chi2 = 0.0000. Do đó, mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi.

Kiểm định Wooldridge được thực hiện với giả thuyết ban đầu H0 là không có hiện tượng tương quan chuỗi/tự tương quan trong dữ liệu bảng, và có được giá trị thống kê F(1, 9) = 275.231 với xác suất thống kê Prob>F = 0.0000. Điều này đồng nghĩa là mô hình có hiện tượng tương quan chuỗi. Bên cạnh đó, tác giả cũng kiểm định lại mô hình NN-CN sau khi loại biến, kết quả cũng cho thấy, mô hình điều chỉnh biến này cũng có phương sai thay đổi và tương quan chuỗi. Vì vậy, để đạt được mô hình ước lượng vững và hiệu quả, tác giả áp dụng phương pháp ước lượng sai số chuẩn mạnh cho mô hình NN-CN đã điều chỉnh.

Kết quả hệ số ước lượng mô hình NN-CN sau khi khắc phục vấn đề đa cộng tuyến, phương sai thay đổi và tương quan chuỗi cho thấy, các biến I_IND_AGR và URBAN không có tác động đến CDCCKT từ nông nghiệp sang công nghiệp ở

Bảng 1. Ước lượng mô hình chuyển dịch NN-CN ban đầu

Biến độc lập	Mô hình OLS			Mô hình FEM		
	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn mạnh	Xác suất P-value	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn mạnh	Xác suất P-value
I_IND_AGR	0.002	0.005	0.650	-0.001	0.006	0.848
FDI	-0.042	0.075	0.577	0.003	0.080	0.972
FIRM	-0.255	0.827	0.759	-1.068	2.083	0.610
LABOR_FDI	0.063	0.082	0.445	0.102	0.155	0.514
EMP	-0.007	0.008	0.371	-0.004	0.009	0.660
GROWTH	0.020	0.009	0.029	0.014	0.014	0.314
INF	0.072	0.182	0.695	-0.003	0.193	0.988
URBAN	0.002	0.007	0.797	-0.087	0.187	0.645
PRIVATE	-0.011	0.014	0.406	-0.019	0.024	0.444
Hệ số chặn	-7.140	18.456	0.700	3.020	21.407	0.888

Nguồn: Tác giả tính toán từ phần mềm Stata

ĐBSCL. Ngược lại, các biến FDI, GROWTH có tác động tích cực đối với chuyển dịch cơ cấu NN-CN với mức ý nghĩa 1%, và tương tự, INF với mức ý nghĩa 10%. Trong khi đó, EMP và PRIVATE có tác động tiêu cực đối với xu hướng chuyển dịch với mức ý nghĩa lần lượt là 1% và 10%. Một trong những điểm nổi bật trong mô hình là hệ số tác động của FDI đến chuyển dịch cơ cấu NN-CN là lớn nhất, với giá trị 0.091. Nhìn chung, mô hình ước lượng này giải thích được hơn 70% ($R\text{-squared} = 0.7159$) sự chuyển dịch cơ cấu từ nông nghiệp sang công nghiệp. Giá trị thống kê $F(7, 105) = 59.15$ cũng bị bác bỏ với mức ý nghĩa 1% chứng minh rằng hệ số ước lượng mô hình đáng tin cậy.

Tiếp theo, tác giả đánh giá tác động riêng biệt của từng tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL bằng phương pháp ước lượng thay thế tương đương với FEM là sử dụng 1 nhóm biến giả để đại diện yếu tố riêng biệt của từng tỉnh, thành phố. Kết quả phân tích định tính cho thấy, Long An là tỉnh CDCCKT điển hình nhất vùng ĐBSCL dựa vào việc thu hút dòng FDI, một phần nhờ vào lợi thế vị trí địa lý gần khu vực kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ nhất. Do Long An là tỉnh có vốn FDI cao nhất ĐBSCL vào năm 2019 với 8,67 nghìn tỷ đồng và có CCKT đúng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Chính phủ, với tỷ trọng công nghiệp là 52,96%, tỷ trọng nông nghiệp là 18,12% và tỷ trọng dịch vụ là 28,92%, phần lớn nhờ vào thu hút đầu tư nước ngoài. Vì thế, Long An được lựa chọn làm cơ sở so sánh CDCCKT ở vùng ĐBSCL theo nghiên cứu này. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng thực hiện kiểm định F-test để xem xét các yếu tố riêng biệt (không quan sát được) có đồng thời bằng không hay không, kết quả giá trị thống kê $F(13, 92) = 39.78$ với xác suất thống kê $\text{Prob}>F = 0.0000$ thể hiện yếu tố riêng biệt có tác động đến CDCCKT ngành NN-CN.

Nhìn chung, mô hình ước lượng này giải thích được hơn 70% ($R\text{-squared} = 0.8154$) sự CDCCKT, và giá trị thống kê $F(19, 93) = 545.35$ cũng bị bác bỏ với mức ý nghĩa 1% chứng minh hệ số ước lượng mô hình đáng tin cậy. Với mức ý nghĩa 5%, hầu hết các tỉnh, thành phố đều có ưu thế chuyển

dịch NN-CN thấp hơn Long An, bao gồm: Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, và Đồng Tháp; chỉ riêng Cần Thơ và Kiên Giang có ưu thế cao hơn hẳn nhờ vào tiềm năng phát triển kinh tế, nhất là Cần Thơ với hệ số chặn lớn nhất 7.982 vì là trung tâm kinh tế - tài chính của vùng.

3.2.2. Xu hướng chuyển dịch từ nông nghiệp sang dịch vụ

Kết quả hồi quy ban đầu tại Bảng 2 cho thấy, hệ số ước lượng từ OLS và FEM không hiệu quả.

Tiếp tục tiến hành kiểm định đa cộng tuyến, kết quả: hệ số phóng đại Mean VIF của mô hình là $3.01 > 2$, cho thấy mô hình ước lượng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Các biến có độ tương quan cao là nguyên nhân chính gây ra vấn đề này, bao gồm các biến thuộc nhóm yếu tố FDI: LABOR_FDI, FIRM và FDI. Do vậy, loại hai biến LABOR_FDI và FIRM để đảm bảo hệ số phóng đại Mean VIF của mô hình nhỏ hơn 2.

Kiểm định phương sai thay đổi (theo phương pháp Breusch-Pagan) và kiểm định tương quan chuỗi (theo phương pháp Wooldridge) cho thấy, mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi với giá trị thống kê $\chi^2(1) = 8.71$ ở mức xác suất thống kê $\text{Prob} > \chi^2 = 0.0032$; và có hiện tượng tương quan chuỗi với giá trị thống kê $F(1, 9) = 479.778$ ở mức xác suất thống kê $\text{Prob}>F = 0.0000$. Để khắc phục 2 vấn đề này, ước lượng sai số chuẩn mạnh được áp dụng cho mô hình NN-DV sau khi đã điều chỉnh biến.

Sau khi khắc phục các vấn đề định lượng, loại bỏ khỏi mô hình các hệ số chặn vì tạo ra giá trị nhiễu, làm mô hình kém hiệu quả ($R\text{-square} < 0.5$), nhìn chung mô hình ước lượng thể hiện sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang dịch vụ tương đối hiệu quả, giải thích được hơn 60% sự biến thiên của biến phụ thuộc SER_AGR, và giá trị thống kê $F(7, 105) = 216.71$ - cho biết các tất cả hệ số ước lượng có đồng thời bằng 0 hay không - bị phủ định với mức ý nghĩa thống kê 1%. So sánh các hệ số ước lượng trong mô hình, ta thấy được GROWTH, INF và PRIVATE có tác động đến chuyển dịch cơ cấu NN-DV với mức ý nghĩa tương ứng là 5%, 5% và 10%. Trong khi GROWTH có tác động tích cực thì 2 biến còn lại có ảnh hưởng

Bảng 2. Ước lượng mô hình chuyển dịch NN-DV ban đầu

Biến độc lập	Mô hình OLS			Mô hình FEM		
	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn mạnh	Xác suất P-value	Hệ số ước lượng	Sai số chuẩn mạnh	Xác suất P-value
I_SER_AGR	0.014	0.010	0.170	-0.001	0.012	0.943
FDI	-0.203	0.176	0.254	-0.109	0.188	0.566
FIRM	1.187	1.930	0.541	0.674	4.741	0.887
LABOR_FDI	0.085	0.188	0.653	0.001	0.353	0.999
EMP	-0.005	0.018	0.782	-0.003	0.021	0.872
GROWTH	0.045	0.021	0.041	0.023	0.033	0.483
INF	-0.007	0.429	0.987	-0.015	0.455	0.974
URBAN	0.023	0.017	0.187	0.210	0.442	0.637
PRIVATE	-0.043	0.032	0.176	-0.007	0.059	0.904
Hệ số chặn	-0.014	43.412	1.000	-3.475	50.541	0.945

Nguồn: Tác giả tính toán từ phần mềm Stata

tiêu cực đối với chiều hướng chuyển dịch. Một điểm quan trọng cần được chú ý trong mô hình này là yếu tố FDI không ảnh hưởng đến CDCCKT từ Nông nghiệp sang Dịch vụ.

Tiếp tục lấy Long An làm tỉnh cơ sở để so sánh với các tỉnh, thành phố khác trong khu vực ĐBSCL, kết quả giá trị thống kê $F(13, 92) = 30.41$ với xác suất thống kê $Prob > F = 0.0000$ thể hiện yếu tố riêng biệt có tác động đến CDCCKT ngành NN-DV.

Dựa trên yếu tố riêng biệt của Long An, FDI, GROWTH, và URBAN có tác động đến CDCCKT từ nông nghiệp sang dịch vụ ở mức ý nghĩa tương ứng là 5%, 5% và 10%. Tuy nhiên, Đầu tư nước ngoài ở Long An không có lợi cho việc CDCCKT sang dịch vụ, vì phần lớn các nguồn vốn này đổ vào các ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Vì thế, hệ số tác động của yếu tố FDI trong mô hình NN-DV là dấu âm. Ngược lại, tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đô thị sẽ chắc chắn thúc đẩy chuyển dịch sang lĩnh vực dịch vụ, như một điều tất yếu, và dấu của các biến này đều là dương.

So sánh giữa Long An và các tỉnh, thành phố khác cho thấy, tất cả các tỉnh thành phố khác đều không có ưu thế chuyển dịch NN-DV so với Long

An, bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, và Đồng Tháp. Trong đó, An Giang là kém ưu thế nhất (-1.895) và Tiền Giang có lợi thế nhất (-0.343) chỉ sau Long An trong vùng ĐBSCL. Điều này cho thấy, nhờ vào vị trí địa lý, Long An có tiềm năng chuyển dịch cơ cấu sang dịch vụ nhiều hơn hẳn các tỉnh thành khác. Tuy nhiên, thực tế tốc độ chuyển dịch NN-DV vẫn còn chậm so với các tỉnh, thành phố có ưu thế kém hơn, vì nguồn đầu tư FDI thiên lệch về phía ngành Công nghiệp.

4. Kết luận

Bài nghiên cứu đánh giá CDCCKT ở vùng ĐBSCL trên 2 phương diện: tốc độ chuyển dịch, và xu hướng chuyển dịch. Kết quả cho thấy, các tỉnh gần TP. Hồ Chí Minh - Long An và Tiền Giang thu hút được vốn FDI lớn, góp phần thúc đẩy tốc độ chuyển dịch cơ cấu. Riêng với Cần Thơ, tỉnh này đã đạt được CCKT mong muốn nên duy trì CCKT này, nên hệ số chuyển dịch thấp.

Bằng việc xây dựng mô hình hồi quy dữ liệu bảng, tác giả đánh giá xu thế chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và từ nông nghiệp sang dịch vụ bằng mô hình OLS và FEM. Kết quả cho

thấy, FDI có tác động mạnh đến CDCCKT sang lĩnh vực công nghiệp, nhưng không làm thay đổi tỷ trọng dịch vụ so với tỷ trọng nông nghiệp. Tăng trưởng kinh tế cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong khi đó, nguồn lao động vẫn là một trở lực đối với phát triển kinh tế, vì hầu hết lao động vẫn còn ở trình độ thấp; nguồn vốn tư nhân đang đầu tư vào nông nghiệp, thay vì công nghiệp và dịch vụ. Nguồn vốn đầu tư xã hội nói chung không hiệu quả trong việc thúc đẩy CDCCKT ở vùng ĐBSCL. So sánh giữa các tỉnh, thành phố, Long An và Tiền Giang là 2 tỉnh có ảnh hưởng lớn nhất từ nguồn vốn đầu tư FDI, chuyển dịch kinh tế nhanh chóng. Cần Thơ vẫn giữ CCKT lấy dịch vụ và công nghiệp là chủ yếu, vì là trung tâm kinh tế - chính trị của các cả vùng. Kiên Giang là một trong những địa phương có

tiềm năng phát triển kinh tế toàn diện, từ dịch vụ, công nghiệp đến nông nghiệp. Cuối cùng, vẫn có một số địa phương phụ thuộc quá nhiều vào một dự án đầu tư - điển hình là Trà Vinh.

Nhìn chung, bài nghiên cứu đã đánh giá được tầm quan trọng của FDI đối với CDCCKT, cũng so sánh được tình hình CDCC ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL. Đồng thời, qua phân tích đối chiếu với các vùng kinh tế khác cho thấy, ĐBSCL là một trong những địa phương kém thu hút vốn FDI trên cả nước, chỉ hơn khu vực Tây Nguyên. Điều đó chưa xứng với tiềm năng và triển vọng phát triển của vùng ĐBSCL. Vì thế, để có chính sách thu hút FDI hợp lý, cần có những nghiên cứu xác định những yếu tố quyết định đến dòng vốn FDI chảy vào các tỉnh, thành phố, từ đó làm cơ sở hoạch định chiến lược phát triển kinh tế đồng bộ và bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt:

1. Ngọc Thiện (2020). Lân đầu tiên ĐBSCL có một báo cáo kinh tế đầy đủ và toàn diện. Truy cập tại <http://baokiemtoannhanuoc.vn/kinh-doanh/lan-dau-tien-dbscl-co-mot-bao-cao-kinh-te-day-du-va-toan-dien-146446>
2. Tổng cục Thống kê (2021). Công nghiệp chế biến chế tạo thu hút 13,6 tỷ USD trong năm 2020, phát huy vai trò động lực tăng trưởng kinh tế. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/01/cong-nghiep-che-bien-che-tao-thu-hut-136-ty-usd-von-fdi-trong-nam-2020-phat-huy-vai-tro-dong-luc-tang-truong-kinh-te/>
3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2014). Tổng quan về chuyển dịch cơ cấu ngành trong tăng trưởng kinh tế. Truy cập tại <http://tailieu.ttbđ.gov.vn:8080/index.php/tai-lieu/chuyen-de-chuyen-sau/item/370-tong-quan-ve-chuyen-dich-co-cau-nganh-trong-tang-truong-kinh-te>

Tiếng Anh

4. International Monetary Fund (IMF). (1999). Growth in sub-Saharan Africa: Performance, impediments and policy requirements. *World Economic Outlook*.
5. Lewis, W. A. (1954). Economic development with unlimited supplies of labour. *The Manchester School*, 22(2), 139-934.
6. Nguyen, X. H., Lan, T. P. T. N. T., Tang, N. M. H., & Nguyen, T. N. (2020). Impact of Foreign Direct Investment on Economic Restructuring in Bac Ninh. *European Journal of Business and Management*, 12(15), 19-25.
7. Pao, H. T., & Tsai, C. M. (2011). Multivariate Granger causality between CO₂ emissions, energy consumption, FDI (foreign direct investment) and GDP (gross domestic product): evidence from a panel of BRIC (Brazil, Russian Federation, India, and China) countries. *Energy*, 36(1), 685-693.

8. Ridzuan, A.R.; Ismail, N.A.; Hamat, A.C.(2017). Does FDI Successfully Lead to Sustainable Development in Singapore? *Economies*, 5(3), 29.
9. UNCTAD. (1998). *World Investment Report: Trends and Determinants*. New York and Geneva.
10. Wu, Y., & Chen, C. (2016). The impact of foreign direct investment on urbanization in China. *Journal of the Asia Pacific Economy*, 21(3), 339-356.
11. WTO. (1996). Trade and foreign direct investment. [Online] Available at https://www.wto.org/english/news_e/pres96_e/pr057_e.htm

Ngày nhận bài: 25/5/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/6/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/7/2022

Thông tin tác giả:

ThS. NCS. NGUYỄN THỊ HUỲNH GIAO

Trường Đại học Ngoại thương CSII - TP. Hồ Chí Minh

IMPACTS OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT ON THE ECONOMIC RESTRUCTURING OF THE MEKONG RIVER DELTA

● Ph.D student, Master. **NGUYEN THI HUYNH GIAO**
Foreign Trade University - Ho Chi Minh City Campus

ABSTRACT:

This study analyzes the impact of foreign direct investment (FDI) on the economic restructuring of the Mekong River Delta. This study's results are expected to change the awareness and actions of the state management agencies and enterprises in attracting FDI into the Mekong Delta.

Keywords: foreign direct investment, economic restructuring, the Mekong Delta.